

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 58/2024/HS-ST
Ngày 27-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Trung;

Ông Bùi Văn Quang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vương Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2024/TLST-HS ngày 13/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị C, sinh năm 1972 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn HP, xã ĐK, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; con ông Trần Trọng R (chết) và bà Nguyễn Thị X; bị cáo có chồng tên Nguyễn Đức T (chết) và 07 người con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2011).

Tiền án: 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án Hình sự số 04/2019/HSST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 24/7/2022.

Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2024 đến nay; Có mặt.

- **Bị hại:** Bà Đặng Thị Kim H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp BT, xã AB, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Nguyễn Đình

T1, sinh năm 1999; Nơi cư trú: 249/3 TH, phường TN, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Kim Quỳnh T2, sinh năm 1984; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 14/4/2024, Trần Thị C điều khiển xe ô tô tự chế (không gắn biển số) chở theo Kim Quỳnh T2 đi từ xã TT, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đến xã AB để tìm mua phế liệu. Khi đi đến ấp BT, xã AB, C nhìn thấy cổng nhà của bà Đặng Thị Kim H không đóng cửa. Thấy vậy, C một mình đi vào bên trong nhà của bà H để hỏi mua phế liệu, còn Kim Quỳnh T2 ngồi ở ngoài xe. C đi vào phía trước nhà bà H và gọi người để hỏi mua phế liệu nhưng không thấy ai trả lời. C tiếp tục đi vào phòng khách nhà bà H và nhìn thấy tại vách lam (ngăn giữa phòng khách và phòng bếp) có một túi xách màu xanh đen nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân. Để thực hiện ý định của mình, C đi đến vị trí để túi xách rồi dùng tay mở túi xách ra thấy bên trong túi xách có nhiều tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng nên C lấy một xấp tiền mệnh giá 200.000 đồng rồi bỏ vào túi quần bên phải. Sau đó, C đi ra xe và tiếp tục điều khiển xe cùng với Kim Quỳnh T2 đi qua Ủy ban nhân dân xã AB, cách nhà bà H khoảng 01km, C dừng xe bên lề đường rồi đi vào bên vườn cây để đếm lại số tiền đã lấy trộm của bà H. C đếm được tổng số tiền lấy trộm của bà H là 4.400.000 đồng.

Đến ngày 16/4/2024, bà H phát hiện bị mất trộm tài sản, qua kiểm tra camera tại nhà, bà H phát hiện C là người lấy trộm tài sản nên đến Công an xã AB trình báo sự việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. C thừa nhận lấy 4.400.000 đồng, không thừa nhận lấy 17.200.000 đồng theo như khai báo của bà H.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu nâu, không có biển số, không có số khung. Kết luận giám định số 2107 ngày 26/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận số khung: không, số máy: VTTNKS1P50FMG102452. Qua xác minh xe này do ông Nguyễn Đình T1 đứng tên chủ sở hữu.

- 01 (một) USB nhãn hiệu Huawei, màu bạc. Bên trong chứa đoạn phim về diễn biến hành vi trộm cắp của Trần Thị C tại nhà Đặng Thị Kim H.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSPG ngày 10/6/2024, Viện kiểm sát nhân

dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Thị C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị C phạm tội Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị C từ 12 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đặng Thị Kim H khai báo số tiền bị mất là 17.200.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị mất là 17.200.000 đồng. Tuy nhiên, do không đủ căn cứ chứng minh số tiền bị mất là 17.200.000 đồng và bị cáo C cũng không thừa nhận lấy số tiền 17.200.000 đồng nên bị cáo Trần Thị C phải bồi thường cho bị hại Đặng Thị Kim H số tiền 4.400.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu nâu, không có biển số, không có số khung. Kết luận giám định số 2107 ngày 26/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận số khung: không, số máy: VTTNKS1P50FMG102452. Qua xác minh xe này do ông Nguyễn Đình T1 đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc với ông T1, ông T1 khai đã bán xe này cho một tiệm xe máy cũ không rõ địa chỉ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo đã đăng báo thanh niên 03 kỳ liên tiếp để truy tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả, đề nghị tịch thu sung Ngân sách nhà nước;

- 01 (một) USB nhãn hiệu Huawei, màu bạc. Bên trong chứa đoạn phim về diễn biến hành vi trộm cắp của Trần Thị C tại nhà Đặng Thị Kim H. Đề nghị lưu cùng hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của bị hại tổng số tiền 4.400.000 đồng. Bị cáo thống nhất với tội danh, hình phạt của đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai khoảng 10 giờ 00 phút ngày 14/4/2024, bị cáo điều khiển xe ô tô tự chế (không gắn biển số) chở theo Kim Quỳnh T2 đến xã AB để tìm mua phế liệu. Khi đi đến ấp BT, xã AB, C nhìn thấy cổng nhà của bà Đặng Thị Kim H không đóng cửa.

Thấy vậy, C một mình đi vào bên trong nhà của bà H để hỏi mua phế liệu, còn Kim Quỳnh T2 ngồi ở ngoài xe. C đi vào phía trước nhà bà H và gọi người để hỏi mua phế liệu nhưng không thấy ai trả lời. C tiếp tục đi vào phòng khách nhà bà H và nhìn thấy tại vách lam (ngăn giữa phòng khách và phòng bếp) có một túi xách màu xanh đen nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để tiêu sài cá nhân. Để thực hiện ý định của mình, C đi đến vị trí để túi xách rồi dùng tay mở túi xách ra thấy bên trong túi xách có nhiều tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng nên C lấy một xấp tiền mệnh giá 200.000 đồng rồi bỏ vào túi quần bên phải. Sau đó, C đi ra xe và tiếp tục điều khiển xe cùng với Kim Quỳnh T2 đi qua Ủy ban nhân dân xã AB, cách nhà bà H khoảng 01km, C dừng xe bên lề đường rồi đi vào bên vườn cây để đếm lại số tiền đã lấy trộm của bà H. C đếm được tổng số tiền lấy trộm của bà H là 4.400.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Trần Thị C lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ sở hữu đã chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng số tiền là 4.400.000 đồng, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố bị cáo Trần Thị C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Xét động cơ, mục đích phạm tội vì tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài không phải hao tốn sức lao động, bị

cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần có mức phạt thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản bị xử phạt 09 tháng tù theo Bản án số 04 ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[4] Đối với Kim Quỳnh T2 là người đi cùng xe với bị cáo vào thời điểm bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Đặng Thị Kim H vào ngày 14/4/2024. Tuy nhiên, T2 không biết bị cáo C trộm cắp tài sản của bà H. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo không xử lý đối với Kim Quỳnh T2 là phù hợp.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đặng Thị Kim H khai báo số tiền bị mất là 17.200.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị mất là 17.200.000 đồng. Tuy nhiên, do không đủ căn cứ chứng minh số tiền bị mất là 17.200.000 đồng và bị cáo C cũng không thừa nhận lấy số tiền 17.200.000 đồng nên bị cáo Trần Thị C phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đặng Thị Kim H số tiền 4.400.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu nâu, không có biển số, không có số khung là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Qua xác minh xe này do ông Nguyễn Đình T1 đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo đã tiến hành làm việc với ông T1, ông T1 khai đã bán xe này cho một tiệm xe máy cũ không rõ địa chỉ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo đã đăng báo Thanh niên 03 kỳ liên tiếp để truy tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả. Xét, đây là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, xe mô tô trên cũng không có đầy đủ giấy tờ, thông tin pháp lý (biển số, số khung,...). Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- 01 (một) USB nhãn hiệu Huawei, màu bạc. Bên trong chứa đoạn phim về diễn biến hành vi trộm cắp của bị cáo tại nhà bị hại Đặng Thị Kim H. Xét, đây là tài liệu, chứng cứ thể hiện quá trình thực hiện hành vi trộm cắp của bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định lưu cùng hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 468, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị C 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt 17/4/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu nâu, không có biển số, không có số khung, số máy: VTTNKS1P50FMG102452.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo).

Lưu cùng hồ sơ vụ án: 01 (một) USB nhãn hiệu Huawei, màu bạc.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị C phải bồi thường cho bà Đặng Thị Kim H số tiền 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thị C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng). Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp

300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND H. Phú Giáo;
- Công an H. Phú Giáo;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS H. Phú Giáo;
- Phòng PV 27 CA Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh